

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2008

I.A.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	534,129,569,328	941,331,133,393
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	57,884,389,498	70,729,967,730
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7,415,571,973	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	172,734,631,911	156,295,496,778
4	Hàng tồn kho	242,625,798,500	654,916,169,670
5	Tài sản ngắn hạn khác	53,469,177,446	59,389,499,215
II	Tài sản dài hạn khác	126,243,516,744	24,608,994,472
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	5,534,537,951	6,488,261,153
	- Tài sản cố định hữu hình	4,930,037,949	5,916,261,147
	- Tài sản cố định vô hình	604,500,002	572,000,006
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	118,420,050,400	15,971,616,000
5	Tài sản dài hạn khác	2,288,928,393	2,149,117,319
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	660,373,086,072	965,940,127,865
IV	Nợ phải trả	410,179,972,921	706,513,606,983
1	Nợ ngắn hạn	410,000,474,393	706,235,176,675
2	Nợ dài hạn	179,498,528	278,430,308
V	Vốn chủ sở hữu	250,193,113,151	259,426,520,882
1	Vốn chủ sở hữu	250,109,185,037	256,648,205,145
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82,000,000,000	164,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	32,400,000	0
	- Cổ phiếu quỹ		-4,274,155,000
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	16,572,726,287	8,859,125,866
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	151,504,058,750	88,063,234,279
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	83,928,114	2,778,315,737
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	83,928,114	2,778,315,737
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	660,373,086,072	965,940,127,865

II.A.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Luỹ kế	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	371,306,665,885	
2	Các khoản giảm trừ	0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	371,306,665,885	
4	Giá vốn hàng bán: Trong đó:	241,433,996,272	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129,872,669,613	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4,001,596,551	
7	Chi phí tài chính	40,058,978,585	
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,824,161,470	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	78,991,126,109	
11	Thu nhập khác	599,470,001	
12	Chi phí khác	567,526,642	
13	Lợi nhuận khác	31,943,359	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79,023,069,468	
15	Thuế TNDN	17,210,734,518	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61,812,334,950	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.69%	
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88.82	97.45
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11.18	2.55
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55.45	73.14
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44.55	26.86
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.80	0.10
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.60	1.37
4	Tỷ suất sinh lời			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	19.92	6.40
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	28.79	16.65
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	44.72	24.71

Ngày tháng năm 2009
TỔNG GIÁM ĐỐC